

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2026/DS-ST
Ngày 15/7/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tâm;

Ông Nguyễn Đình Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Hoàng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 404/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần S1, theo Quyết định số 36/QĐ-QLGS4 ngày 01/6/2026 của Cục Q, giám sát Tổ chức tín dụng – Ngân hàng N); địa chỉ trụ sở: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Dương Công M – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(theo Nghị quyết số 70/2026/NQ-HĐQT ngày 22/4/2026 của Ngân hàng thương mại cổ phần S)

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Faussier Loic Michel M1 – Quyền Tổng giám đốc

(theo Quyết định số 2290.2026.QĐ.LEG ngày 01/6/2026 của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 - S2)

Đại diện theo uỷ quyền của ông Faussier L Michel Marc: Công ty TNHH MTV Q1 và khai thác tài sản Ngân Hàng S (Công ty S3). Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch công ty.

(theo Giấy uỷ quyền số 2803.2026.GUQ.LEG ngày 19/6/2026 của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 - S2)

Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH MTV Q1 và khai thác tài sản Ngân Hàng S (Công ty S3):

1. Ông Phan Tấn D – Tổng Giám đốc;
2. Ông Dương Đức T1 – Phó Tổng Giám đốc;
3. Bà Nguyễn Thị H – Trưởng phòng xử lý nợ tín chấp.

(theo Quyết định số 161.2026.QĐ-S2.SBA ngày 19/6/2026 của Công ty TNHH MTV Q1 và khai thác tài sản Ngân Hàng S (Công ty S3))

Ông Dương Đức T1 uỷ quyền cho ông Nguyễn Minh T2 – Nhân viên Công ty TNHH MTV Q1 và khai thác tài sản Ngân Hàng S đại diện tham gia tố tụng. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

(Theo Giấy uỷ quyền số 2023.2026.UQ - S2 SBA ngày 09/7/2026).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn Công D1, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ A, ấp X, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/7/2023, bị đơn ông Huỳnh Tấn Công D1 có ký kết với nguyên đơn Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông D1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 2817296 với hạn mức tín dụng là 50.000.000đ (năm chục triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông D1 đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 116.216.128đ (một trăm mười sáu triệu, hai trăm mười sáu ngàn, một trăm hai mươi tám đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông D1 đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền là: 57.921.822đ (năm mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi một ngàn, tám trăm hai mươi hai đồng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông D1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng sử dụng thẻ. Ngày 05/5/2025, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông D1, yêu cầu ông D1 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông D1 trả nợ, tuy nhiên ông D1 vẫn chưa thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của

Ngân hàng, **Ngân hàng TMCP S** (nay là **Ngân hàng thương mại cổ phần S1**) đề nghị Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn: Buộc ông **Huỳnh Tấn Công D1** phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 10/7/2026 là 85.585.186đ (tám mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, một trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ quá hạn là 53.622.226đ (năm mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm hai mươi sáu đồng), Lãi quá hạn 31.962.960đ (ba mươi một triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi đồng) và lãi phát sinh từ ngày 11/7/2026 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Bị đơn ông **Huỳnh Tấn Công D1** đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và của đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 351, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng cấp thẻ tín dụng. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày 10/7/2026 là 85.585.186 đồng (**T3** mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, một trăm tám mươi sáu đồng), trong đó: Nợ quá hạn 53.622.226đ (Năm mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm hai mươi sáu đồng), **L1** quá hạn 31.962.960đ (Ba mươi một triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi đồng). Đồng thời, bị đơn phải thanh toán khoản lãi phát sinh theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng nêu trên sau ngày 10/7/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn tại Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn có địa chỉ tại **xã B, Thành phố Hồ Chí Minh**. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 (sau đây gọi là Bộ luật Tố tụng dân sự).

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Huỳnh Tấn Công D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án tiến hành xác minh, thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1] Căn cứ trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 14/7/2023, Ngân hàng thương mại cổ phần S, nay là Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (S2), đổi tên theo Quyết định số 36/QĐ-QLGS4 ngày 01/6/2026 của Cục Q, giám sát Tổ chức tín dụng – Ngân hàng N và bị đơn ông Huỳnh Tấn Công D1 có ký kết Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với hạn mức tín dụng là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng bị đơn ông D1 đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 116.216.128đ (một trăm mười sáu triệu, hai trăm mười sáu ngàn, một trăm hai mươi tám đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 57.921.822đ (năm mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi một ngàn, tám trăm hai mươi hai đồng).

[4.2] Do ông Huỳnh Tấn Công D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên S2 chuyển toàn bộ khoản nợ của ông Huỳnh Tấn Công D1 là nợ quá hạn. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Huỳnh Tấn Công D1 phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho S2 tính đến ngày 10/7/2026 với tổng số tiền là 85.585.186 đồng (tám mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, một trăm tám mươi sáu đồng).

[4.3] Xét Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2817296 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với bị đơn ông Huỳnh Tấn Công D1 ngày 14/7/2023 là trên cơ sở tự nguyện, phù hợp điều lệ của ngân hàng, có hình thức, nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn ông Huỳnh Tấn Công D1 không thực hiện việc thanh toán trả nợ gốc, nợ lãi theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký kết, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn đã khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Tấn Công D1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 10/7/2026 là 85.585.186đ (tám mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, một trăm tám mươi sáu đồng), trong đó: Nợ quá hạn là 53.622.226đ (năm mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm hai mươi sáu đồng), Lãi quá hạn là 31.962.960đ (ba mươi một triệu, chín trăm sáu mươi hai

ngàn, chín trăm sáu mươi đồng) là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] **S2** yêu cầu được tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 11/7/2026 đến thời điểm ông **Huỳnh Tấn Công D1** thanh toán xong nợ gốc theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng cấp thẻ tín dụng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 351, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2025;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần S**, nay là **Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (S2)** với bị đơn ông **Huỳnh Tấn Công D1** về việc “Tranh chấp hợp đồng cấp thẻ tín dụng”.

2. Buộc bị đơn ông **Huỳnh Tấn Công D1** phải thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S**, nay là **Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (S2)** tổng số tiền tính đến ngày 10/7/2026 là 85.585.186đ (tám mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, một trăm tám mươi sáu đồng), trong đó: Nợ quá hạn 53.622.226đ (năm mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm hai mươi sáu đồng), Lãi quá hạn 31.962.960đ (ba mươi một triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi đồng).

3. Tiếp tục tính lãi suất phát sinh từ ngày 11/7/2026 theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2817296 ngày 14/7/2023 được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP S** với bị đơn ông **Huỳnh Tấn Công D1** cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng cấp thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn ông **Huỳnh Tấn Công D1** phải nộp số tiền 4.280.000đ (Bốn triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S**, nay là **Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (S2)** số tiền 1.457.357đ (một triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn, ba trăm năm mươi bảy đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032316 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Ân